

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC QUANG
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 9 - 2022
"V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: mô

Bà Nguyễn Thị Lam;

Ông Nguyễn Hồng Diện.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Chung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Mai Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2022 về *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 06/9/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Sải Thị T, sinh năm 1999; dân tộc: Nùng "vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt".

- Bị đơn: Anh Thèn Văn G, sinh năm 1996; dân tộc: Nùng "vắng mặt".

Cùng địa chỉ: Đội A, thôn L, xã Đ, huyện B, tỉnh H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/4/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Sải Thị T trình bày: Chị và anh Thèn Văn G tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đồng Tâm, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang vào năm 2015 trên cơ sở tự nguyện của cả đôi bên. Sau khi kết hôn, anh chị cùng nhau sinh sống tại đội A, thôn L, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà G. Quá trình

chung sống, thời gian đầu của thời kỳ hôn nhân anh chị chung sống với nhau hạnh phúc, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến anh chị cãi vã nhau. Mâu thuẫn giữa anh chị đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng tình trạng quan hệ hôn nhân không được cải thiện. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm đến nhau. Chị T nhận thấy cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Thèn Văn G .

Về con chung: Quá trình chung sống, anh chị có hai con chung, cháu thứ nhất tên là Thèn Thị Thanh T, sinh ngày 19/10/2016, cháu thứ hai tên là Thèn Đình K, sinh ngày 25/5/2018. Hiện nay hai cháu đều khỏe mạnh và sống cùng anh G và ông bà nội tại đội A, thôn L, xã Đ. Khi ly hôn, chị T có nguyện vọng giao hai cháu cho anh G tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và chị có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu T với mức là 1.000.000 đồng/tháng, kể từ ngày 01/10/2022 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi; anh G là người nhận tiền cấp dưỡng nuôi cháu T.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Thèn Văn G không gửi bản tự khai, không cung cấp chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của chị T, mặc dù đã được Tòa án trực tiếp tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án. Tòa án đã triệu tập bị đơn là anh Thèn Văn G nhiều lần để lấy lời khai và tham gia hòa giải nhưng anh Thèn Văn G vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án đã Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại các biên bản xác minh ngày 12/8/2022 của Toà án nhân dân huyện Bắc Quang với bố đẻ anh Thèn Văn G , trưởng thôn L, xã Đ và đại diện UBND xã Đồng Tâm nơi chị Sải Thị T và anh Thèn Văn G sinh sống phản ánh về tình trạng hôn nhân của anh chị như sau:

Chị Sải Thị T và anh Thèn Văn G , tìm hiểu và xây dựng gia đình với nhau từ năm 2015, trên cơ sở hai bên tự nguyện tìm hiểu, không bị ép buộc và đến năm 2017 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đồng Tâm, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang, sau khi kết hôn thì vợ chồng anh chị cùng nhau sinh sống tại Đội A, thôn L, xã Đ, huyện B, tỉnh H. Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh chị sống hạnh phúc với nhau được khoảng hai năm, sau đó thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách hai vợ chồng không hòa hợp, luôn bất đồng quan điểm và không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình, việc mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã được gia đình khuyên bảo, hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng anh chị cũng không cải thiện được mà ngày càng trầm trọng hơn. Do mâu thuẫn vợ chồng nên anh chị đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, mỗi người sống một nơi, không quan tâm đến nhau, việc ai người đẩy làm. Hiện nay chị Sải Thị T có yêu cầu xin ly hôn anh Thèn Văn G , đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Vợ chồng anh chị có hai con chung, cháu thứ nhất tên là Thèn Thị Thanh T, sinh ngày 19/10/2016, cháu thứ hai tên là Thèn Đình K, sinh ngày 25/5/2018. Hiện nay hai cháu đều khỏe mạnh

và sống cùng anh G và ông bà nội tại đội A, thôn L xã Đ. Chị T và anh G đều là lao động tự do, có mức thu nhập tương đương nhau, kinh tế thuộc diện trung bình ở xã, đều chưa có nhà ở riêng. Về chia tài sản chung chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên chúng tôi không cung cấp thông tin.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động tố tụng dân sự phát biểu: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; bị đơn đã không thực hiện nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Sải Thị T được ly hôn anh Thèn Văn G. Việc nuôi con: Đề nghị giao cháu Thèn Thị Thanh T và Thèn Đình K cho anh G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T với mức là 1.000.000 đồng/ tháng, kể từ ngày 01/10/2022 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi; anh G là người nhận tiền cấp dưỡng nuôi cháu T. Về án phí, đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền: Nguyên đơn là chị Sải Thị T có đơn khởi kiện “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” với bị đơn là anh Thèn Văn G, anh Thèn Văn G có nơi cư trú tại thôn L, xã Đ, huyện B, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn là chị Sải Thị T vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn là anh Thèn Văn G vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Sải Thị T, anh Thèn Văn G.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Sải Thị T và anh Thèn Văn G xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị có thời gian ngắn chung sống với nhau hạnh phúc. Đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến anh chị xô sát, cãi vã nhau. Mâu thuẫn giữa hai anh chị đã được hai bên gia đình hoà giải nhưng quan hệ hôn nhân của anh chị vẫn không được cải thiện. Anh chị đã sống ly thân từ năm

2019 cho đến nay, việc ai người ấy làm, không còn quan tâm đến nhau. Quá trình giải quyết, mặc dù đã được triệu tập họp lệ nhưng anh Thèn Văn G không hợp tác để tham gia hòa giải. Xét thấy, hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Sải Thị T được ly hôn anh Thèn Văn G .

[2.2] *Về việc nuôi con:* Hội đồng xét xử thấy rằng quá trình chung sống, anh chị có hai con chung, cháu Thèn Thị Thanh T, sinh ngày 19/10/2016 và cháu Thèn Đình K, sinh ngày 25/5/2018. Trong thời gian anh chị sống ly thân, anh G là người trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu tốt. Chị T và anh G đều là lao động tự do, có mức thu nhập tương đương nhau, kinh tế thuộc diện trung bình ở xã, đều chưa có nhà ở riêng. Chị T có nguyện vọng giao hai cháu cho anh G tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và chị có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Thèn Thị Thanh T và cháu Thèn Đình K cho anh G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T với mức là 1.000.000 đồng/ tháng, kể từ ngày 01/10/2022 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi; anh G là người nhận tiền cấp dưỡng nuôi cháu T là có cơ sở.

[2.3] *Về chia tài sản chung:* Nguyên đơn là chị Sải Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.4] *Về án phí:* Nguyên đơn là dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Vì vậy HĐXX miễn án phí cho nguyên đơn là có cơ sở.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Sải Thị T được ly hôn anh Thèn Văn G .

2. Về việc nuôi con: Xử giao cháu Thèn Thị Thanh T, sinh ngày 19/10/2016 và cháu Thèn Đình K, sinh ngày 25/5/2018 cho anh G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T với mức là 1.000.000 đồng/ tháng, kể từ ngày

01/10/2022 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi; anh G là người nhận tiền cấp dưỡng nuôi cháu T.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con chung anh, chị có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Sải Thị T được miễn án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Chi cục THADS huyện Bắc Quang;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Hồng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lam

Nguyễn Hồng Diễm

Đinh Thị Hồng